TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Lạt, ngày 16 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 219/2025/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 04 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*: Chị **Trịnh Thị P**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 8/1 đường Ba Tháng Tư, Phường C, Thành Phố Đ, Tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: F2 C, Phường M, Thành Phố Đ, Tỉnh Lâm Đồng.

- *Người yêu cầu*: Anh **Trần Huy T**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: F2 C, Phường M, Thành Phố Đ, Tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị P và anh Trần Huy T xây dựng gia đình với nhau năm 2007, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường M, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải vã dẫn đến cả hai không còn tôn trọng nhau, nhiều lần chị P, anh T đã ngồi lại để tìm hướng giải quyết với mong muốn hàn gắn tình cảm nhưng không được. Từ năm 2024, chị P và anh T đã sống ly thân. Nay chị P và anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, yêu cầu của chị P, anh T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Trịnh Thị P và anh Trần Huy T.

[2] Về con chung: Chị Trịnh Thị P và anh Trần Huy T thống nhất thỏa thuận giao 03 con chung là Trần Phương N, sinh ngày 01/06/2008; Trần Nhật M, sinh ngày 16/9/2012; Trần Quốc T, sinh ngày 10/6/2020 cho chị P có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến tuổi trưởng thành theo nguyện vọng của con. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị P và anh T thống nhất thỏa thuận hàng tháng anh Trần Huy T cấp dưỡng nuôi 03 con chung là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*)/tháng/03 con (mỗi con 2.000.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2025 đến khi con thành niên. Xét thấy, sự thỏa thuận của chị P, anh T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của chị P, anh T.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trịnh Thị P và anh Trần Huy T cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Trịnh Thị P và anh Trần Huy T thỏa thuận nhận chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trịnh Thị P và anh Trần Huy T thoả thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Trịnh Thị P và anh Trần Huy T thống nhất thỏa thuận giao 03 con chung là Trần Phương N, sinh ngày 01/06/2008; Trần Nhật M, sinh ngày 16/9/2012; Trần Quốc T, sinh ngày 10/6/2020 cho chị Trịnh Thị P có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo nguyện vọng của con. Việc cấp dưỡng nuôi con cả hai thống nhất thỏa thuận anh Thế có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 03 con chung là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*)/tháng (mỗi con 2.000.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2025 đến khi con thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân năm 2015.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Trịnh Thị P và anh Trần Huy T cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra để xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trịnh Thị P và anh Trần Huy T thỏa thuận nhận chịu 300.000đ tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị P và anh T đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002035 ngày 18 tháng 04 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ. Chị Trịnh Thị P và anh Trần Huy T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- UBND Phường M, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Minh Hoà